

CÔNG TY CỔ PHẦN SETAN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SETAN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SETAN VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110678278

3. Ngày thành lập: 09/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 28 Ngõ 111 Cầu Cầu, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0379278726

Fax:

Email: chayyeuthuongvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng	4649
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn đồ điện tử	4652
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản mà công ty kinh doanh	8299
8.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo Tư duy, kỹ năng sống - Đào tạo Phương pháp nâng cao khả năng học tập - Các khóa đào tạo trải nghiệm cuộc sống - Đào tạo tư duy, kiến thức và kỹ năng kinh doanh, khởi nghiệp - Đào tạo kỹ năng mềm khác	8559

9.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
10.	Cổng thông tin Chi tiết: - Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí) - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; - Thiết lập mạng xã hội; Điều 6, Điều 27 Nghị định 72/2013/NĐ-CP Quản Lý, Cung Cấp, Sử Dụng Dịch Vụ Internet Và Thông Tin Trên Mạng	6312
11.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn thuế, tư vấn giáo dục, tư vấn môi giới việc làm)	7020
12.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
13.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ các mặt hàng Nhà nước cấm	4690
14.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh	1020
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
19.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất dầu, bơ thực vật	1040
20.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
21.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
22.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
23.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
24.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm organic	1079
25.	Sản xuất sợi	1311
26.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
27.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
29.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
30.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
31.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
32.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
33.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược liệu	2100

34.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
35.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
36.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
37.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử Điều 35 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định về Thương mại điện tử	4791
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)	5610(Chính)
40.	Dịch vụ ăn uống khác (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
41.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ LUYẾN	Thôn Vũ Trường, Xã Vũ Chính, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0421930202 32	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
2	TRẦN THỊ MINH TRANG	Tổ 79, Khu 7 , Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0351930067 75	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ THUYẾT NGÀ	Thôn Vân Khám, Xã Hiên Vân, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	027303005028	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THANH THUỶ	Số 122 Phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	70,000	040184000398	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	70.000	700.000.000	70,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ MINH TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035193006775

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 79, Khu 7, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 79, Khu 7, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội